



Tích truyện Pháp cú - Phẩm 4 (Phần 5/7)

ISSN: 2734-9195

19:26 22/04/2024

Tập "Tích truyện Pháp cú" này được dịch theo bản Anh ngữ "Buddhist Legends" của học giả Eugène Watson Burlingame.

Tích truyện Pháp cú - Phẩm 4 (Phần 5/7)

Tập "Tích truyện Pháp cú" này được dịch theo bản Anh ngữ "Buddhist Legends" của học giả Eugène Watson Burlingame. Nhà học giả này đã căn cứ trên nguyên tác Pháp Cú Sớ Giải (Dhammapada Commentary) bằng tiếng Pàli.

Tích truyện Pháp cú - Phẩm 4 (Phần 5/7)

8.Đám Cưới Bà Tỳ Xá Khư.

Như từ một đồng hoa...

Khi ngụ tại Pubbàràma, gần Xá-vệ, Thế Tôn dạy câu trên liên quan đến bà Tỳ-xá-khư (Visàkhà).

Tỳ-xá-khư sinh ra trong thành Bhaddiya, thuộc vương quốc Anga. Cha là chưởng khố Dhananjaya, con của chưởng khố Ram, và mẹ là Sumanaa Devii chánh thất. Năm bà lên bảy tuổi, Thế Tôn thấy người Bà-la-môn Sela và tín hữu của ông đủ duyên lành nhập đạo nên đến thành này cùng với đông đảo Tăng chúng.

Lúc bấy giờ chưởng khố Ram đang giữ chức chưởng khố của thành này, là người đứng đầu năm nhân vật có phước đức lớn. (Đó là chưởng khố Ram, bà Candapadumà chánh thất của ông, trưởng nam Dhananajaya và vợ là Sumanà Devì, và gia nhân của chưởng khố Ram là Punna. Không riêng gì chưởng khố Ram có gia sản kết xù mà tại vương quốc của vua Bình-sa vương cũng có năm người là Jotiya, Hatila, Ram, Punnaka, và Kàkavaliya).

Chưởng khố Ram nghe tin đấng Thập lực đến liền bảo Tỳ-xá-khư:

- Hôm nay là ngày hạnh phúc của ông và cũng là hạnh phúc cho con. Hãy dẫn năm trăm trinh nữ gia nhân của con cưỡi năm trăm xe cùng năm trăm nô lệ nữ đi khoảng xa đón đấng Thập lục.

Tỳ-xá-khư liền vâng lời ông nội.

Cô biết rõ điều gì nên làm, điều gì không nên làm, vì thế cô cho xe đi hết khoảng đường xe có thể đi được, rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng qua một bên. Hoan hỉ vì cung cách tiếp rước của cô bé, Thế Tôn thuyết pháp cho cô, cuối bài pháp cô với năm trăm gia nhân cùng chứng quả Dự lưu.

Chưởng khố Ram cũng đến chỗ Thế Tôn nghe pháp và cũng chứng Sơ quả. Sau đó ông thỉnh Thế Tôn với Tăng đoàn đến nhà thọ thực, và ông dâng cúng thực phẩm chọn lọc, cúng lần mềm, suốt hai tuần thật dồi dào. Sau nửa tháng ở lại trong niềm hoan hỷ,

Thế Tôn rời thành Bhadiya.

Thuở đó vua Bình-sa vương và vua Ba-tư-nặc nước Kosala là anh em rể, vua này cưới em của vua kia. Vua Kosala thấy trong nước mình không có người nào giàu có vô tận như năm nhân vật thế phiệt của Bình Sa Vương, nên đến xin một nhân vật về xứ mình.

Vua Bình-sa vương từ chối, vua Kosala quyết chí xin cho được, nếu không sẽ không về xứ. Túng thế Bình-sa vương họp bàn với các quan rồi hứa sẽ cử chưởng khố Dhananjaya.

Đúng hẹn, chưởng khố Dhananjaya đi theo vua Ba-tư-nặc rời Xá-vệ về Kosala, chỉ mất một đêm. Dừng trước một cảnh đẹp, và khi được biết nơi đó chỉ cách Xá-vệ bảy dặm và là xứ sở của vua Ba-tư-nặc, chưởng khố xin vua ở lại đây. Vua chuẩn y, dựng thành quách tại đây cho ông, đặt tên thành là Sàketa, có nghĩa là thành có người đầu tiên ở vào chiều tối.

Lúc đó ở Xá-vệ Chưởng khố Migàra được một mụn trai tên Punnavaddhana đến tuổi trưởng thành. Hai ông bà bảo con nên lập gia đình, ban đầu anh thoái thác, sau đặt điều kiện vị hôn thê phải hội đủ năm vẻ đẹp về tóc, thịt, xương, da, và tuổi trẻ.

(Phụ nữ đẹp con nhà trâm anh tóc phải giống như đuôi công lò xo đến viền váy và cuốn cong. Đó là vẻ đẹp của tóc. Môi có màu đỏ tươi như màu bí và phải tròn đầy mềm mại, đó là vẻ đẹp của thịt. Răng phải trắng, đều không kể hở, sáng bóng như kim cương hay vỏ ốc xà cừ, đó là vẻ đẹp của xương. Làn da

không xông ướp với gỗ đàn hương, phấn hồng hay bất cứ mỹ phẩm nào, vẫn mịn màng như vòng hoa huệ và trắng muốt như hoa Canikàra, đó là vẻ đẹp của da. Dù có sinh đẻ mười lần đi nữa cô ta trông như gái một con, đó là vẻ đẹp của tuổi trẻ.)

Hai ông bà mời tám Bà-la-môn đến nhà dùng bữa, để nhờ họ tìm một nàng dâu như thế. Họ hứa và đi tìm với tiền trợ cấp đáng kể, và một vòng hoa bằng vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền để đeo vào cổ cô dâu. Họ sốt sắng tìm kiếm nhưng hoài công, đành trở về, trúng ngay ngày lễ hội hằng năm.

Ngày đó các gia đình ngày thường ít khi ra ngoài sẽ dẫn gia nhân, người hầu đi bộ đến tận bờ sông. Những cậu trai gia thế, có địa vị và giàu có thuộc giai cấp chiến sĩ, sẽ đứng dọc đường, và khi cô gái đẹp nào lọt và mắt xanh và cùng giai cấp, họ sẽ ném vòng hoa lên đầu nàng.

Các ông Bà-la-môn cũng đến đó chờ đợi trong một gian nhà. Lúc đó Tỳ-xá-khư độ mười lăm mười sáu tuổi, trang sức đầy mình với năm trăm tỳ nữ hộ tống, đến bờ sông định xuống tắm. Bất ngờ cuồng phong nổi lên và trời mưa. Năm trăm tỳ nữ chạy nhanh đến trú trong gian nhà, còn tỳ-xá-khư vẫn bước đi như bình thường. Vào đến gian nhà đồ trang sức và quần áo nàng ướt sũng.

Các ông Bà-la-môn thấy nàng hội đủ bốn vẻ đẹp. Họ tìm cách để xem xét hàm răng của nàng. Vì thế họ khéo chuyện với nhau:

- Con gái tôi thật là đoảng! Chồng nó chỉ hưởng được có thứ cháo chua, không biết tôi nói có ngoa không!

Tỳ-xá-khư lên tiếng:

- Các ông đang bàn việc gì thế?

- Nói về cô đấy.

- Về điểm gì?

- Tỳ nữ của cô chạy nhanh nên không bị ướt, còn cô vẫn chậm bước nên ướt hết.

- Tôi khỏe hơn họ, vả lại tôi có lý do để chậm bước.

- Lý do gì?

- Có bốn hạng người không thể chạy bừa vì bất lợi cho họ.

- Là người nào?

Một vị vua vừa được xúc dầu, trang sức đầy mình mà chạy trong sân hoàng cung sẽ bất lợi vì bị thiên hạ chế giễu "Vua chúa gì mà chạy lung tung như thường dân". Lại nữa con voi nghi lễ của vua sẽ rất khó coi nếu chạy nhảy, nhưng nếu đi đứng oai vệ một cách tự nhiên thì thấy đường hoàng.

Một Tỳ-kheo sẽ mất oai nghi nếu chạy hoặc đi nhanh và sẽ bị phê phán. "Tỳ-kheo gì mà chạy đi chẳng khác gì kẻ phàm tục". Một phụ nữ nếu chạy đi thì cũng sẽ bị chê bai "Nữ nhi mà chạy băng băng y như đàn ông".

Đó là bốn hạng người không nên chạy bừa vì sẽ bất lợi cho họ.

- Còn lý do nào khác không thưa cô?

- Thưa quý ông, các bậc cha mẹ nuôi nấng con gái đều cố gìn giữ nguyên vẹn tay chân. Chúng tôi như của quý để gả bán. Nếu chúng tôi chạy nhảy vấp tà áo hay va đất đá bị té có thể gãy tay chân, lúc đó sẽ là gánh nặng cho gia đình. Còn bây giờ nếu áo quần ướt thì sẽ khô thôi. Vì nghĩ như thế nên tôi không dám chạy.

Trong lúc Tỳ-xá-khư nói chuyện, các ông Bà-la-môn quan sát hàm răng của nàng, quả nhiên tuyệt đẹp chưa hề có. Họ ca tụng nàng:

- Thưa cô, chỉ có cô mới xứng đáng nhận lãnh tặng phẩm này. Rồi họ đeo vào cổ nàng chiếc vòng vàng. Cô nhận lời xin cưới của họ vì được họ cho biết con của chưởng khố Migàra là Punnavaddhana Cumàra đồng giai cấp với cô. Dù đã đi bộ đến đây, nhưng từ khi cô nhận chiếc vòng vàng rồi thì đi bộ không còn thích hợp nữa. Cô nhả cha gọi cho cô chiếc xe, nhưng ông cha lại cho năm trăm xe đến, rồi cô lên xe cùng với đoàn tùy tùng. Các ông Bà-la-môn đi theo. Về nhà hai bên bàn bạc với nhau.

Gia sản bên Migàra khoảng bốn mươi triệu, không đáng chi so với nhà Tỳ-xá-khư.

Nhưng nghĩ đến được một người bảo hộ con gái mình, cha nàng bằng lòng gả nàng. Và ông tiếp đãi các ông Bà-la-môn thật chu đáo và thịnh soạn trong hai ngày. Chưởng khố Migàra nghe các ông Bà-la-môn trở về thuật lại đầu đuôi câu chuyện, ông rất hài lòng và cũng muốn rước dâu nhanh chóng. Ông báo tin cho sui gia biết là sẽ đến với vua Kosala và đông đảo tùy tùng.

Chưởng khố Dhananjaya nhả người trả lời:

"Chúng tôi xin hân hạnh tiếp đón ngay cả mười vị vua cũng được". Thế là Migàra đem tất cả dân chúng trong thành đi, trừ một số phải ở lại giữ nhà. Họ

dừng lại cách Sàketa nửa dặm, gửi tin đến Dhananjaya.

Ông lập tức gửi quà quý giá đến cho họ. Rồi ông hỏi ý kiến con gái là Tỳ-xá-khur:

- Cha chồng con đã đến rước dâu cùng với vua ở Kosala, nhà nào dành để đón ông, nhà nào cho vua ở, và nhà nào tiếp các vương tôn?

(Tỳ-xá-khur rất thông minh, tài trí sắc bén như góc cạnh viên kim cương là do cô đã phát lời thệ nguyện cũng như do bốn nguyện cô hằng ôm ấp trong một trăm ngàn kiếp).

Cô sắp đặt mọi việc thật thỏa đáng, từ sửa soạn những căn nhà cho cha chồng, vua, vương tôn và đoàn tùy tùng trú ngụ, chí đến phân công tác cho đám gia nhân phục vụ không những quan khách mà cả chuồng ngựa, voi,... Để mọi người đều được hài lòng vui vẻ. Riêng phần mình, cô được cha xuất kho cả ngàn miếng vàng ròng, rồi bạc, ngọc ru-bi, ngọc trai, san hô và kim cương, để đặt làm cho cô một món trang sức thật vĩ đại và lộng lẫy.

Vài ngày sau, vua Kosala hỏi thăm chừng nào rước dâu, cứ thế, ba tháng trôi qua mà món trang sức cho cô dâu vẫn chưa làm xong, bên đằng gái trả lời là mùa mưa đến, vua không thể đi đâu được trong vòng bốn tháng và bốn phận của họ là sẵn sàng phục vụ những gì vua và quân lính dùng. Từ đó, thành Sàketa như đang trong một kỳ lễ hội dài.

Từ vua cho đến người thấp kém nhất, ai cũng được trang sức hương hoa lộng lẫy. Tuy nhiên bên đằng gái gặp khó khăn vì thiếu củi đốt. Họ phải hạ chuồng voi và những căn nhà xiêu vẹo trong thành để lấy gỗ làm củi. Nhưng rồi cũng không đủ, và đang trong mùa mưa nên càng khó kiếm củi, họ phải mở cửa kho, lấy vải thô làm thành dây bắc nhúng vào dầu để nấu nướng.

Bốn tháng trôi qua, món trang sức mới xong. Đã chi hết bốn bình kim cương (một bình chừng nửa lít), mười một bình ngọc trai, hai mươi bình san hô, ba mươi ba bình rubi, và nhiều loại đá quý khác. Họ đã dùng bạc làm dây xâu thay cho chỉ. Món nữ trang được kết từ đầu rủ xuống chân. Những móc vàng, dây bạc được gắn, thắt vào những chỗ khác nhau để giữ món trang sức dính chắc và thẳng đứng, một trên chóp mỗi tai, một ngang giữa cổ, một ở một đầu gối, một ở mỗi khuỷu tay, một ở rốn, và một ở thắt lưng.

Trên nền món trang sức này, thợ chạm một con công. Hai cánh của công mỗi bên gồm năm trăm sợi lông bằng vàng ròng. Mỏ công bằng san hô, hai mắt bằng ngọc, cổ và lông đuôi cũng bằng ngọc. Gân nổi trên lông công bằng đá quý và chân cũng vậy.

Khi nó được gắn lên đỉnh đầu của Tỳ-xá-khư, trông như một con chim công đang đứng trên đỉnh núi xòe cánh múa; và tiếng của những gân của ngàn lông rung lên nghe như nhạc trời hợp xướng, hoặc như bài hợp tấu của năm loại nhạc khí. Chỉ khi nào đứng thật gần mới biết đó không phải con công thật. Trị giá món trang sức này lên đến chín mươi triệu đồng và tiền công hết cả trăm ngàn đồng.

(Vào thời Phật Ca-diếp, Tỳ-xá-khư đã cúng dường cho hai mươi ngàn Tỳ-kheo y và bát, cả kim chỉ và thuốc nhuộm, do phước báo đó, ngày nay cô được món trang sức vĩ đại này, tức phần thưởng cho tín nữ. Đối với thiện nam nếu cúng y sẽ được y bát tạo bằng thần thông).

Ngoài ra Tỳ-xá-khư còn được của hồi môn gồm năm trăm xe chất đầy tiền, năm trăm xe đầy hũ vàng, năm trăm xe đầy hũ bạc, năm trăm xe đầy hũ đồng, năm trăm xe vải vóc tơ lụa, năm trăm xe bơ, năm trăm xe gạo trắng sạch và năm trăm chiếc xe chở đầy nào cày, cào và các thứ nông cụ khác. Chưa kể một ngàn năm trăm tỳ nữ trang sức sang trọng để tắm, giặt, nấu ăn và mặc đồ cho cô, tất cả đều ngồi trên năm trăm chiếc xe.

Chưởng khố muốn rằng con mình không thiếu một thứ gì khi về nhà chồng.

Chưa vừa ý, ông còn cho thêm gia súc. Ông ra lệnh:

- Các người hãy đến bãi gia súc nhỏ, mở cổng ra. Xong, hãy đứng hai bên làm thành một đường dài ba phần tư dặm và rộng tám sào (bốn mươi mét). Cứ cách một phần tư dặm đường, để một cái trống. Đừng cho trâu bò đứng ra khỏi giới hạn này. Khi các người đến đứng đúng vị trí, hãy đánh trống lên.

Họ làm theo lệnh. Rời khỏi bãi gia súc, họ tiến đến một phần tư dặm liền đánh trống, rồi nửa dặm lại đánh trống, rồi đến ba phần tư dặm lại đánh trống. Và họ đứng gác những lối ra hai bên. Khi họ xong thì trâu bò đã đứng chen vai nhau trên khoảng đất dài ba phần tư dặm và ngang tám sào. Lúc đó, chưởng khố ra lệnh đóng cửa chuồng trâu bò.

Tuy nhiên cô không chỉ hưởng số gia súc đó mà còn thêm sáu mươi ngàn bò đực mạnh khỏe, sáu mươi ngàn bò sữa cái với bò con theo sau, đã sống chuồng chạy theo.

(Kiếp trước, vào thời Phật Ca-diếp, Tỳ-xá-khư là Sanghadàsi, công chúa út trong bảy công chúa con vua Kiki, cúng dường năm phẩm vật từ bò cho hai mươi ngàn Tỳ-kheo và Sa-di. Dù họ đã lấy tay che bát, cô vẫn sốt thêm, bảo rằng thức ăn này vừa ngon miệng vừa mát lòng. Do quả báo này cô nhận thêm số bò sống chuồng.)

Tuy nhiên như thế bà vợ ông còn nhắc thêm sao ông không cho gia nhân theo để cô sai bảo. Thật ra ông không quên, chỉ vì ông muốn khi cô lên xe rồi, ông sẽ cho những người tự nguyện đi theo, chứ không muốn ép buộc họ.

Vào ngày trước khi đưa dâu, ông dạy cô mười điều nên nhớ về nhà chồng:

- 1) Lửa trong nhà không nên mang ra ngoài.
- 2) Lửa bên ngoài không nên mang vào nhà.
- 3) Chỉ cho người nào nên cho.
- 4) Không cho người nào không nên cho.
- 5) Cho cả người đáng cho và không đáng cho.
- 6) Ngồi một cách vui vẻ.
- 7) Ăn một cách vui vẻ.
- 8) Ngủ một cách vui vẻ.
- 9) Giữ gìn lửa.
- 10) Thờ phụng thần thánh.

Mười điều này cũng lọt vào tai cha chồng cô, lúc đó đang ở phòng bên cạnh.

Đến ngày đưa dâu, Chương khố Dhananjaya tập trung các phường hội thủ công, và giữa đoàn người của nhà vua ông chỉ định tám gia chủ giám hộ cô dâu, nếu nàng có bị buộc tội gì xin họ làm sáng tỏ sự việc.

Rồi cô dâu khoác lên món trang sức trị giá chín mươi triệu đồng, còn nhận thêm năm trăm bốn mươi triệu để sắm hương phần tẩm mình. Rồi chương khố đỡ con gái lên xe hoa. Ông hộ tống cô qua mười bốn làng quanh Sàketa, những làng chư hầu nộp lễ cống cho ông, cho đến tận Anuràdhapura. Dọc đường, ông cho rao lớn rằng: "Ai muốn đi theo con ta thì đi." Dân mười bốn ngôi làng đều đi theo, mang theo hết không còn một thứ gì để lại.

Dhananjaya cũng tiễn đưa một đoàn đường, chào từ giã và phó thác con gái cho Migàra và vua. Migàra thấy đám người theo hầu quá đông như một đoàn quân, sợ không nuôi nổi liền ném đất và vung gậy gộc đuổi về bớt, mặc lời phản đối của cô dâu Tỳ-xá-khư.

Cô vào cổng thành Xá-vệ, đứng trên xe hoa để dân chúng chiêm ngưỡng món trang sức. Mọi người tấm tắc khen ngợi vẻ lộng lẫy rực rỡ, nét đài các phong lưu của nàng. Ngay hôm ấy, dân chúng gửi mừng nhiều quà tặng, nàng tặng lại hết cho các gia đình trong thành với lời lẽ dịu dàng êm ái, thích hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh từng người, xem họ như là thân quyến của mình. Một lần giữa đêm, nàng đến thăm con ngựa mới đẻ, có người hầu nam nữ cầm đuốc theo, để coi sóc cho ngựa mẹ được tắm nước nóng và xúc dầu.

Chưởng khố Migàra, để mừng ngày cưới vợ cho con, đã mời năm trăm ẩn sĩ lỏa thể đến cúng dường, ông hoàn toàn không biết gì về Thế Tôn lúc đó đang ngụ trong tinh xá gần đây. Cháo ngon hảo hạng được nấu trong những đồ dùng nhà bếp mới toanh. Ông gọi cô dâu đến chào các ẩn sĩ mà ông gọi là những vị A-la-hán. Tỳ-xá-khư lúc bấy giờ đã chứng quả Dự lưu và là Thánh đệ tử của Phật, nghe đến danh hiệu A-la-hán, nàng vô cùng hoan hỷ.

Nhưng bước vào phòng đãi ăn các ẩn sĩ và nhìn họ, nàng bảo họ thiếu tính khiêm cung và không biết sợ trọng tội, không xứng với danh xưng A-la-hán. Nàng lên tiếng trách cha chồng và trở về phòng. Trong khi các ẩn sĩ cũng trách Migàra sao không tìm một nàng dâu khác, mà lại chọn một đệ tử cư sĩ của ông Cổ-đàm. Nhận cô ta vào nhà chẳng khác nào nhận đồ xúi quẩy. Họ còn đòi ông tống khứ cô ta đi.

Ông không bằng lòng, trả lời với họ là "Đàn bà họ ưng chi làm nấy, xin các ông bỏ qua cho." Rồi ông tiễn họ ra về, và ngồi xuống trên một chiếc ghế sang trọng, ăn cháo thượng vị với mật trong đĩa vàng.

Lúc đó có một Tỳ-kheo vào nhà khát thực. Tỳ-xá-khư đang quạt hầu cha chồng, nghĩ rằng mình không nên báo cho cha biết có vị Tỳ-kheo khát thực, vội đứng lên một bên cho ông trông thấy Trưởng lão, nhưng ông quá ngu si có thấy nhưng làm như không thấy, vẫn cắm cúi ăn. Tỳ-xá-khư bảo Trưởng lão xin cứ đi vì cha chồng đang ăn cháo thiêu. Migaara tuy bất bình các ẩn sĩ, nhưng nghe nàng dâu nói thế, ông nổi giận bảo dọn đĩa cháo và ra lệnh đuổi Tỳ-xá-khư ra khỏi nhà. Vì gia nhân và tỳ nữ đều thuộc về nàng nên không ai dám hé môi.

Riêng cô thì trả lời cha chồng như sau:

- Thưa cha, lý do đó không đáng để con phải bị đuổi đi. Con không phải là cô gái tầm thường ngoài đường, ở một chỗ tắm nào đó trên bờ sông, được cha lượm về. Con gái nhà gia giáo, có cha mẹ đáng hoàng, không thể rời nhà chồng bởi lý do đó. Ngoài ra cha con có giao con cho tám gia chủ bảo hộ, và khi có lỗi lầm họ sẽ chịu trách nhiệm làm sáng tỏ vấn đề. Xin cha cho mời tám gia chủ đến

phân xử.

Họ được mời đến và cuộc đối thoại để xét xử Tỳ-xá-khur bắt đầu giữa họ với cha chồng của cô.

Migàra bảo:

- Ngày đại lễ như thế, địa vị của tôi như vậy, mà cô ta lại bảo tôi ăn cháo. Các ông hãy buộc tội cô ta và đuổi đi khỏi nhà này.

Các gia chủ hỏi:

- Có phải thế không, thưa cô?

- Lời tôi nói không đúng hẳn như thế. Số là có một Tỳ-kheo đi khát thực dừng chân trước cửa nhà. Cha chồng tôi đang dùng cháo ngon với mật, hoàn toàn không thấy Trưởng lão. Tôi thiết nghĩ ông không tạo được công đức mới hiện đời mà chỉ hưởng phước đức cũ của đời trước.

Do đó tôi đã nói với Tỳ-kheo là ông đang ăn đồ cũ. Vậy tôi có lỗi gì?

Tỳ-xá-khur đã trả lời như trên. Các gia chủ đều đồng ý là nàng nói đúng, rồi họ hỏi lại Migàra:

- Tại sao ông lại giận nàng?

Ông đáp:

- Tôi cũng đồng ý là cô ta không có lỗi trong việc này, nhưng tại sao nửa đêm cô ta đi ra sau nhà có tứ trai, tứ gái theo sau?

Tỳ-xá-khur giải thích là vì con ngựa giống đẻ, cô không yên tâm nếu ngồi nhà, nên đã ra chuồng ngựa xem nó được săn sóc ra sao. Lần này nàng cũng không có lỗi gì. Cha chồng lại buộc tội là ngày xuất giá cha nàng đã dạy bảo Mười điều có nhiều ẩn ý, tỷ như điều một là "không cho đem lửa trong nhà ra ngoài", nếu vậy đối với lán giềng hai bên xin lửa thì sao?

Cô cũng giải thích rành rẽ ý của cha nàng dạy là không nên đem việc trong nhà nói ra bên ngoài. Rồi cô từ từ giải trình điều hai là "không đem lửa ở ngoài vào trong nhà" có nghĩa lán giềng nếu nói xấu nhà chồng cũng không nên về nhà học lại.

Còn điều "Chỉ cho người nào nên cho" nghĩa là chỉ cho vay những ai trả lại. "Không cho người nào không nên cho" nghĩa là không cho vay những ai không

trả. "Cho cả người đáng cho" nghĩa là đối với bà con thân hữu cần giúp đỡ, dù họ có đền đáp hay không thì vẫn cho. "Ngồi một cách vui vẻ" nghĩa là khi cha, mẹ chồng hoặc chồng ngồi thì phải đứng dậy, không được ngồi. "Ăn một cách vui vẻ" tức là người vợ không được ăn khi cha, mẹ chồng hoặc chồng chưa ăn xong, phải hầu hạ cơm bưng nước rót xong xuôi mới được ăn. "Ngủ một cách vui vẻ" tức là người vợ không được đi ngủ trước cha, mẹ chồng hoặc chồng, phải làm hết bốn phận lớn và nhỏ của mình đối với họ rồi mới được đi ngủ. "Giữ gìn lửa" tức là cung kính đối với lửa sáng hoặc xà vương. "Thờ phụng thần thánh trong nhà" tức là thờ phụng họ như thần thánh.

Khi dâu của mình là Tỳ-xá-khư bộc bạch ý nghĩa Mười điều dạy bảo, Chưởng khố Migàra chỉ biết ngồi đó cúi đầu, không nói nên lời.

Các gia chủ bèn hỏi ông:

- Thưa chưởng khố, dâu của ông có phạm lỗi gì không?

Ông đáp:

- Thưa các Ngài, không.

- Tại sao cô không có lỗi mà ông tìm cách đuổi cô ta ra khỏi nhà?

Tỳ-xá-khư ngắt lời:

- Thưa các ông, ban đầu thật không đúng pháp nếu tôi ra khỏi nhà theo lệnh của cha chồng tôi, bởi vì khi tôi đi xa, cha tôi đã phó thác tôi cho các ông chịu trách nhiệm xem xét tôi có tội hay vô tội. Nhưng giờ đây các ông đã chứng minh tôi vô tội, thì thật đúng pháp để tôi ra đi.

Rồi Tỳ-xá-khư truyền lệnh cho gia nhân, tỳ nữ chuẩn bị xe cộ để lên đường.

Chưởng khố Migàra cầm các gia chủ ở lại và bảo nàng:

- Con dâu yêu quý, ta đã xử sự một cách ngu si, con hãy tha thứ cho ta.

Nàng đáp:

- Kính thưa cha, con tha thứ hết sạch cho cha. Nhưng con là con trong một gia đình có niềm tin kiên cố vào đạo Phật, và chúng con không thể sống mà không có Tăng đoàn. Nếu con được phép chăm lo cho chúng Tăng theo sở nguyện, con sẽ ở lại.

- Con yêu quý, con có thể chăm lo cho chúng Tăng theo ý con muốn.

Tỳ-xá-khư chuyển lời thỉnh mời đấng Thập lực đến nhà cúng dường vào ngày hôm sau. Các ẩn sĩ ngoại đạo nghe tin cũng đến và ngồi thành vòng tròn quanh nhà.

Trong lúc nàng dâng nước cho Như Lai, nàng nhắn tin cho cha chồng đến đích thân phục vụ. Ông cũng muốn đi nhưng bị các ẩn sĩ ngăn cản, nên phải trả lời rằng cô cứ phục vụ Như Lai. Trong khi nàng dâng thức ăn và đức Phật cùng Tăng chúng dùng xong, nàng lại nhắn tin lần hai mời cha chồng đến nghe pháp.

Ông thâm nghĩ nếu lần này mà không đi thì thật là không đúng phép, nhưng các ẩn sĩ vẫn cản trở, và lần này bảo ông nếu muốn đến nghe Cồ-đàm nói pháp thì phải ngồi ở ngoài màn. Rồi họ đi trước, kéo một tấm màn chung quanh.

Khi ấy, Thế Tôn bảo:

- Dù ông có ngồi bên kia tấm màn, hay bên kia bức tường, hay bên kia quả núi, hay bên kia cả rừng núi bao quanh hết quả đất, Ta là Phật và Phật âm sẽ đến tai ông.

Và Thế Tôn thuyết pháp tuần tự từ thấp lên cao, cất tiếng như mây mưa, như thể rung chuyển những cây táo hồng cổ thụ, như mưa trời rơi xuống. Dù ai đứng trước, đứng sau hay ở cách xa tận cả năm Cakkavàlas, ngàn Cakkavàlas, hoặc tận đỉnh tầng trời cao nhất đều cảm thấy như Ngài chỉ nhìn thấy mình, chỉ thuyết cho mỗi mình nghe.

Chư Phật giống như mặt trăng đối với chúng sanh, ai cũng thấy ngay trên đầu mình. Đó là quả báo do sự đại bố thí của Ngài khi chặt đầu, móc mắt, lóc thịt moi tim. Ngài bố thí cả con trai là Jàli, con gái là Kanhàjinà, vợ là Maddi làm tội tố cho người.

Chưởng khố Migàra ngồi bên ngoài màn suy tư về lời pháp của Như Lai, và chứng quả Dự lưu, phát lòng tin kiên cố vào Tam Bảo. Ông nâng màn, tiến tới cô dâu, cúi đầu trước nàng, nhận nàng làm mẹ, từ đó nàng có tên là Mẹ của Migàra. Sau này có con nàng đặt tên là Migàra.

Khi ấy, trưởng giả phủ phục xuống chân Thế Tôn, hôn chân Ngài và ba lần đọc lên tên mình, rồi thưa:

- Bạch Thế Tôn, từ trước đến giờ con chưa hề hiểu phước báo to lớn trong sự cúng dường Ngài, nhưng giờ đây, nhờ con dâu mới được hiểu và đã thoát hết đau khổ, phiền não. Khi con dâu con vào nhà con là nó mang hạnh phúc đến, và đã tế độ con.

Rồi ông nói kệ:

Rõ ràng hôm nay mới thấy

Phước báo vô biên thế ấy

Có từ nhân biết cúng dường

Quả nòng dâu thảo đã mang

Hạnh phúc cho nhà tôi vậy.

Tỳ-xá-khư lại thỉnh Thế Tôn đến ngày hôm sau, và mẹ chồng nàng nhờ thế chứng quả Dự lưu. Từ đó nhà chồng nàng rộng mở theo đạo Phật.

Muốn đền đáp công lao nàng, cha chồng nàng định tặng nàng một món trang khác nhẹ hơn để nàng có thể đeo cả ngày cả đêm, trong bốn oai nghi đều thoải mái, vì món đồ trang sức khổng lồ trước đây quá nặng nề. Hoàn thành xong món nữ trang trị giá trăm ngàn tiền, ông thỉnh Thế Tôn cùng Tăng chúng đến mở tiệc cúng dường. Ông bảo nàng phải tắm trong mười sáu chậu nước hoa và khoác món trang sức mới đến thỉnh lễ Thế Tôn. Xong, Phật hồi hướng công đức và trở về tinh xá.

Từ đó nàng thường cúng dường, làm nhiều công đức khác và được Tám thánh ân của Phật. Như mặt trăng lưỡi liềm tròn dần trên trời, nàng cũng lớn dần với mười đứa con trai, mười đứa con gái, và mỗi đứa lại sanh mười trai mười gái, cứ thế con, cháu, chắt dòng họ nàng... lên đến tám ngàn bốn trăm hai mươi người. Nàng thọ được một trăm hai mươi tuổi, không có một sợi tóc bạc trên đầu, lúc nào cũng trông như mười sáu tuổi.

Thấy nàng trên đường đi đến tinh-xá với bấy con cháu, không thể biết ai là Tỳ-xá-khư. Ai cũng muốn ngắm nhìn nàng thật lâu khi đi, đứng, nằm, ngồi, vì trong bốn oai nghi dáng dấp nàng đều trang nghiêm, đẹp đẽ.

Ngoài những đức tính trên, nàng còn có sức mạnh bằng năm con voi. Vua biết được định thử nàng. Sau khi nghe pháp xong, trên đường nàng về từ tinh xá vua thả một con voi rượt bắt nàng. Năm trăm tỳ nữ theo hầu nàng, một số quá khiếp đảm đã chạy mất, số còn lại ôm quanh nàng. Cô suy nghĩ: Nếu bắt voi lại một cách mạnh bạo, nó sẽ chết.

Do đó nàng dùng hai ngón tay tóm lấy vòi bắt nó trở lui. Voi không thể cự lại sức mạnh của nàng và cũng không thể đứng vững, té ngã ngửa trên sân hoàng cung. Dân chúng hoan hô nàng, và nàng về nhà an ổn với đoàn tùy tùng.

Tỳ-xá-khur, mẹ tinh thần của chương khố Migàra, cùng đám con cháu chặt chẳng hề đau ốm, chẳng ai chết yếu. Người ta cho rằng nàng là người mang phúc lành đến. Yến tiệc lễ lộc gì, dân trong thành Xá-vệ đều vinh hạnh thỉnh mời nàng trước tiên.

Trong một ngày lễ, như mọi người, nàng phục sức sang trọng với món đồ trang sức vĩ đại của cha ruột tặng đến dự tiệc tại một nhà nọ, xong đến tinh-xá nghe pháp.

Dừng lại trước cửa tinh xá, nàng cởi món trang sức khổng lồ đưa nữ tỳ cất và đeo vào món trang sức nhỏ của cha chồng đến đánh lễ Thế Tôn nghe pháp. Cuối bài pháp, nàng đứng dậy chào Phật. Tỳ nữ bỏ quên món trang sức lại, theo nàng ra ngoài.

Như thường lệ, Trưởng lão A-nan sau buổi giảng nhìn trước ngó sau xem có vật gì bỏ quên để cất rồi mới đi khỏi. Thấy món đồ trang sức của Tỳ-xá-khur bỏ quên, Trưởng lão trình với Phật và nghe theo lời Phật ngài treo nó cạnh cầu thang. Tỳ-xá-khur với Suppiyà đi vòng tinh xá hỏi thăm xem các Tỳ-kheo có cần thuốc men hay thứ gì khác.

Người cần mật mía, mật ong, kẻ thì cần dầu. Họ thường cầm bát đến gặp hai tín nữ, và hôm nay cũng thế. Suppiyà thấy một Tỳ-kheo bị bệnh, đến hỏi thăm và ông cho biết là cần nước xúp thịt. Ngày hôm sau không tìm ra thịt, Suppiyà cắt thịt đùi của mình dâng cúng. Do lòng tin Phật, thân nàng liền lành lặn như cũ.

Sau khi chăm sóc các Tỳ-kheo bệnh, các tân Tỳ-kheo và Sa-di, Tỳ-xá-khur ra về bằng một cửa khác. Nàng bảo tỳ nữ đưa món trang sức. Tỳ nữ sức nhớ đã để quên bên trở lại chỗ cũ tìm. Nàng dặn cô ta nếu Trưởng lão A-nan đã cất thì đừng lấy lại, cứ xem như đã cúng dường cho Trưởng lão. Nhưng nghĩ rằng ngài A-nan sẽ không biết làm gì với món đồ ấy, nàng lại bảo tỳ nữ trở lại lấy mang về để bán lấy tiền cúng dường phải hơn.

Món đồ được để lên xe đưa tới thợ kim hoàn định giá là chín mươi triệu một trăm ngàn tiền, nhưng không ai mua nổi. (Cả thế giới chỉ có ba người đàn bà mặc món đồ trang sức đắt giá như thế, là nữ cư sĩ lỗi lạc Tỳ-xá-khur, vợ vua Bandhula xứ Mallas, và Mallika con gái chương khố Ba-la-nại).

Nàng bèn mua lại món trang sức, chở số tiền to lớn đến tinh xá dâng lên Phật, và thưa hỏi trong tứ sự cúng dường Phật cần loại gì. Phật bảo cần xây một tầng đường tại cổng phía đông tinh xá. Nàng mua đất với chín mươi triệu của món trang sức và bỏ thêm chín mươi triệu để xây nhà.

Một hôm Thế Tôn quan sát thế gian sáng sớm, thấy chàng Bhaddiya, con của một chưởng khố ở thành Bhaddiya, đã được tái sinh từ cõi trời, đủ duyên lành nhập đạo. Ngài dùng điểm tâm tại nhà ông Cấp Cô Độc rồi đi về hướng cổng bắc. Thông thường, sau khi độ ngộ tại nhà Tỳ-xá-khư, Ngài đi về bằng cổng nam và ngự về Kỳ Viên; khi độ ngộ tại nhà Cấp Cô Độc, Ngài đi ra bằng cổng đông và ngự về Pubbaaraama. Do đó khi dân chúng thấy Thế Tôn đi ra cổng bắc, biết rằng Ngài sắp du hành.

Nghe tin Thế Tôn lên đường, Tỳ-xá-khư đến đánh lễ Ngài và thỉnh cầu ở lại vì nàng cho xây nhà ở cúng dường Phật và chư Tăng với tổn phí bằng số châu báu kia.

Nhưng Thế Tôn không thể ở lại, và theo lời yêu cầu của nàng, Ngài cho nàng chọn một Tỳ-kheo ở lại thay mặt theo dõi việc xây cất. Mặc dù nàng rất kính mến Trưởng lão Anan, nhưng nàng chọn Tôn giả Mục-kiền-liên vì nghĩ rằng Tôn giả có thần thông sẽ giúp đỡ nhiều trong công việc.

Phật truyền Tôn giả ở lại với năm trăm Tỳ-kheo. Tôn giả có thần thông nên chỉ trong ngày người ta có thể đem về gỗ và đá cách đó khoảng năm mươi, sáu mươi dặm, không cần phải nặng hồng. Chỉ trong thời gian ngắn người ta đã dựng lên một tầng đường hai tầng, với năm trăm phòng trên lầu.

Thế Tôn du thuyết mất chín tháng, và khi trở về Xá-vệ, công trình của Tỳ-xá-khư đã hoàn tất kể cả chiếc tháp bằng vàng ròng để chứa sáu mươi chậu nước. Nghe tin Thế Tôn trên đường về Kỳ Viên, nàng đến gặp Ngài và thỉnh mời đến thăm tầng đường mới xây.

Sau đó, nàng thưa:

- Bạch Thế Tôn, xin người đưa chư Tăng đến đây an cư trong bốn tháng tới. Con sẽ cho hoàn tất xong xuôi khu nhà ở của chư Tăng.

Thế Tôn hoàn hỷ chấp nhận. Từ đó, Ngài cùng Tăng chúng được nàng cúng dường tại đó.

Một người bạn của Tỳ-xá-khư muốn cúng dường một tấm vải trị giá một trăm ngàn tiền làm thảm lót cho tầng đường. Nàng chỉ cho cô ta thấy cả hai tầng nhà gồm một ngàn phòng đều trải thảm hết, không có tấm nào xấu kém hơn tấm của cô ta. Buồn bã vì thấy mình không được công đức gì trong tầng đường, cô đi ra, dừng lại một nơi, òa khóc.

Trưởng lão A-nan thấy thế hỏi thăm, và chỉ cho cô chỗ thích hợp nhất để trải thảm là chân cầu thang, nơi các Tỳ-kheo rửa chân xong sẽ chùi lên đó trước khi bước vào tinh xá. Cô sẽ được nhiều phước đức. Hình như Tỳ-xá-khư đã bỏ qua chỗ này.

Ngày cuối, say bốn tháng cúng dường Tăng đoàn, Tỳ-xá-khư cúng vải may y đến Tăng đoàn. Mỗi sa-di nhận vải y trị giá một ngàn tiền mỗi cái. Cuối cùng cô cúng thuốc men cho chư Tăng, sốt đầy bát cho mỗi vị. Nếu tính thêm chín mươi triệu mua đất và chín mươi triệu xây cất tăng đường, cộng chung là hai trăm bảy mươi triệu. Không một phụ nữ nào trên thế gian đã cúng dường nhiều như thế, nhất là đối với một người đang sống trong một gia đình ngoại đạo.

Ngày lễ khánh thành tinh xá, khi bóng chiều ngả dài, Tỳ-xá-khư đi vòng quanh tòa nhà cùng với con, cháu và chắt. Thấy ước nguyện thời xa xưa nay đã thành tựu, nàng cất cao tiếng thanh cao ngâm năm câu kệ:

Khi nào ta dâng cúng

Ngôi nhà ở tiện nghi

Trét tô hồ, vữa thì

Ấy là lúc viên mãn

Lời ta thệ nguyện xưa

Khi nào ta dâng cúng

Mọi thiết bị, tiện nghi

Ghế, giường, thảm và gối

Lúc đó lòng ta mới

Vui vì thỏa nguyện xưa

Khi nào ta dâng cúng

Vật thực theo phước phân

Nêm nếm ngon bội phần

Bằng xúp thịt tinh khiết

Ấy là lúc ta biết

Đã toại lời nguyện dâng

Khi nào ta dâng cúng

Vải y Ba-la-nại

Vải mịn, vải sợi bông

Ước nguyện hằng bao kiếp

Khi nào ta dâng cúng

Đồ bổ dưỡng, thuốc men

Bơ lỏng, bơ đặc, mật

Dầu ăn cùng đường thô

Thế là ta hoàn tất

Viên mãn lời nguyện xưa.

Các Tỳ-kheo nghe được cho rằng hoặc mật nàng rối loạn, hoặc loạn trí, nên thưa với Phật. Thế Tôn đáp:

- Nay các Tỳ-kheo! Đệ tử Ta không phải đang hát. Vì ước nguyện được thành tựu, lòng nàng vui mừng mới cất tiếng như thế để long trọng nói lời thệ nguyện.

Các Tỳ-kheo hỏi tiếp:

- Nàng đã ước nguyện lúc nào, thưa Thế Tôn?

Và Thế Tôn kể:

Chuyện quá khứ

A. Lời Nguyện Của Tỳ-Xá-Khur

Các Tỳ-kheo, cách đây một trăm ngàn kiếp quá khứ, Phật Padumuttara xuất hiện ở thế gian, thọ mạng của Ngài là một trăm ngàn năm, có một trăm ngàn A-la-hán đệ tử.

Thành của Phật là Hamsavatì, cha là Sunanda, mẹ là Sujatà Devì. Đệ tử nữ cư sĩ là đại thí chủ. Nữ cư sĩ đó được Tám thánh ân từ Ngài, và như một người mẹ, lo cho Phật tứ sự cúng dường, phục vụ từ sáng đến chiều.

Nữ cư sĩ được chuyển trò thân mật với Phật và được Phật quý trọng, một hôm đánh bạo hỏi Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cô bạn tôi đối với Ngài là gì?

Phật đáp:

- Là đại thí chủ của Ta.

- Bằng cách nào cô ta được như vậy?

- Do lời nguyện trước đây trăm ngàn kiếp.

- Bạch Thế Tôn, một người có thể được địa vị ấy không, nếu phát nguyện bây giờ?

- Có thể được.

- Vậy thì, bạch Thế Tôn, xin nhận cho con cúng dường Ngài với trăm ngàn Tỳkheo trong bảy ngày.

Phật chấp thuận.

Đến ngày cuối tuần cúng dường, cô ta đỡ lấy y bát của Thế Tôn, đánh lễ và quỳ dưới chân Ngài phát nguyện:

- Bạch Thế Tôn, con không tìm cầu cho mình một vương quyền nào ở cõi trời, mà chỉ xin được Tám thánh ân của Phật, xin được như một người mẹ hơn giờ hết lo tứ sự cúng dường cho Ngài.

Thế Tôn muốn biết xem hạnh nguyện của cô ta có được viên mãn hay không, nên dùng Thiên nhãn nhìn về tương lai suốt một trăm ngàn kiếp và bảo:

- Một trăm ngàn kiếp sau, một đức Phật tên Cổ-đàm sẽ xuất hiện ở thế gian. Lúc đó người là đệ tử nữ cư sĩ tên Tỳ-xá-khư, sẽ được Tám thánh ân từ Phật, sẽ được như một người mẹ đối với Phật, và sẽ là cư sĩ nữ xuất sắc nhất trong việc lo tứ sự cúng dường cho Ngài.

Như thế là chắc chắn trong tương lai, cô ta sẽ đạt được những điều này. Cô ta đã làm việc phước thiện trong suốt quãng đời còn lại của kiếp ấy và tái sinh trên cõi trời.

Sau khi qua lại cõi trời và cõi người, nàng tái sanh trong thời Phật Ca-diếp, là con gái út của vua Kiki xứ Kàsi. Cô lập gia đình, sống bên nhà chồng, suốt thời gian rất lâu cúng dường và làm nhiều việc công đức khác cùng với các chị.

Một hôm cô ta quỳ dưới chân Phật Ca-diếp và phát lời nguyện giống như trước đây. Rồi cô ta cũng luân hồi từ cõi trời qua cõi người, và trong kiếp này tái sinh làm con chưởng khố Dhananjaya, cháu nội của chưởng khố Ram. Và trong kiếp này, cô đã tạo được nhiều đức qua các thiện sự cho giáo đoàn của Ta.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Và Thế Tôn giảng pháp cho các Tỳ-kheo:

- Nay các Tỳ-kheo, giống như từ một đồng hoa đủ loại, người khéo léo sẽ kết nhiều kiểu vòng hoa, cũng như thế, tâm Tỳ-xá-khư hướng đến làm các việc công đức bằng nhiều cách.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(53) Như từ một đồng hoa

Nhiều tràng hoa được làm

Cũng vậy, thân sanh tử,

Làm được nhiều thiện sự.

*

(Còn tiếp)

Nguồn: “Tích Truyện Pháp Cú” được Thiền viện Viên Chiếu dịch theo bản Anh ngữ “Buddhist Legends” của học giả Eugène Watson Burlingame.